TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2017
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà **Võ Thị Điệp;**
2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Hùng, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017; biên bản hòa giải ngày 03/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh H chung sống với nhau năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H hay nhậu nhẹt và có người phụ nữ bên ngoài. Chị M có nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh H 01 lần vào năm 2016 do anh H cam kết thay đổi nên chị rút đơn khởi kiện, nhưng hiện nay anh H vẫn không thay đổi. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Lê Thị Trúc L, sinh ngày 27/6/1997 và Lê Văn P, sinh ngày 08/10/1999, hiện đang sống chung với chị M.

Khi ly hôn chị M yêu được nuôi con chung tên Lê Văn P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Đối với con chung Lê Thị Trúc L đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/7/2017 anh Lê Văn H là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn như chị M trình bày. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau. Nay vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc nên anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Lê Thị Trúc L, sinh ngày 27/6/1997 và Lê Văn P, sinh ngày 08/10/1999, hiện đang sống chung với chị M. Khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung tên Lê Văn P cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Thị Trúc L đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Giấy khai sinh tên Lê Thị Trúc L, sinh ngày 27/6/1997 (Bản sao y chứng thực);

- Giấy khai sinh tên Lê Văn P, sinh ngày 08/10/1999 (Bản sao y chứng thực);

- Bản tự khai ngày 03/7/2017 ký tên Lê Văn P;

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 03/7/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn"*.

Anh Lê Văn H là người bị kiện có địa chỉ tại khóm M, thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Anh Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/7/2017. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn H.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H thống nhất trình bày sống chung với nhau vào năm 1994 và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của chị M và anh H đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định "…*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*…". Vì vậy, không công nhận chị Lê Thị Tuyết M và anh Lê Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung tên Lê Thị Trúc L, sinh ngày 27/6/1997 và Lê Văn P, sinh ngày 08/10/1999. Căn cứ vào bản tự khai, cháu P có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị M. Đồng thời, chị M và anh H thỏa thuận như sau:

Chị Lê Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 08/10/1999. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung tên Lê Thị Trúc L đã trưởng thành tự lao động được nên chị M và anh H thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị M và anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị M và anh H trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo Biên lai số 13111 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Tuyết M và anh Lê Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh H như sau:

Chị Lê Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 08/10/1999. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung tên Lê Thị Trúc L đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Mvà anh H thống nhất không có.

Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 13111 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký tên)

Trần Văn Đô

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Phước Tâm - Hồ Thị Mai Hương	**Trần Văn Đô**